

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

VĂN THỊ HIỀN

PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP
HUYỆN TIÊN PHƯỚC, TỈNH QUẢNG NAM

Chuyên ngành: Kinh tế phát triển
Mã số: 60.31.05

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Đà Nẵng – Năm 2014

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS. VÕ XUÂN TIẾN

Phản biện 1: PGS. TS. Nguyễn Trường Sơn

Phản biện 2: TS. Bùi Minh Chuyên

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Kinh tế họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 17 tháng 6 năm 2014.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Tiên Phước là một trong những huyện nghèo của tỉnh Quảng Nam, nông nghiệp đóng vai trò chủ đạo của nền kinh tế huyện; cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm, kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Mặc dù vậy, nông nghiệp của huyện có những thành tựu đáng ghi nhận như: giá trị sản xuất nông nghiệp bình quân hàng năm tăng; chăn nuôi phát triển theo hướng thâm canh, số lượng gia súc, gia cầm cơ bản ổn định. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, nông nghiệp huyện Tiên Phước phát triển chưa thực sự tương xứng với tiềm năng của huyện. Nông nghiệp chưa có sự phát triển đột phá tạo tiền đề ban đầu cho thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Để đẩy nhanh quá trình phát triển nông nghiệp, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong sản xuất nông nghiệp, nâng cao đời sống nhân dân trên cơ sở phát huy lợi thế tự nhiên của huyện và giải quyết việc làm, tăng thu nhập nhằm tạo sự chuyển biến nhanh hơn về đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, đồng thời khắc phục những hạn chế ở khu vực nông thôn, tôi chọn đề tài "*Phát triển nông nghiệp huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam*" làm Luận văn Thạc sỹ.

2. Mục tiêu nghiên cứu

- Hệ thống hóa các vấn đề lý luận liên quan đến phát triển nông nghiệp.

- Phân tích thực trạng phát triển nông nghiệp huyện Tiên Phước thời gian qua.

- Đề xuất các giải pháp đẩy mạnh phát triển nông nghiệp huyện Tiên Phước thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

a. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến phát triển nông nghiệp huyện Tiên Phước.

b. Phạm vi nghiên cứu

- Nội dung: Đề tài chỉ tập trung nghiên cứu một số nội dung về phát triển nông nghiệp huyện Tiên Phước; trong đó nông nghiệp được hiểu theo nghĩa rộng bao gồm: nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.

- Không gian: Trên địa bàn huyện Tiên Phước.

- Thời gian: Các giải pháp đề xuất trong luận văn có ý nghĩa trong những năm trước mắt.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp phân tích thực chứng, phân tích chuẩn tắc.

- Phương pháp thống kê, mô tả, phân tích, so sánh...

5. Bố cục của luận văn

Ngoài phần mở đầu, mục lục, danh mục tài liệu tham khảo ... đề tài gồm ba chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về phát triển nông nghiệp.

Chương 2: Thực trạng phát triển nông nghiệp huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam.

Chương 3: Một số giải pháp đẩy mạnh phát triển nông nghiệp huyện Tiên Phước.

6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP

1.1. KHÁI NIỆM NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP

1.1.1. Khái niệm về nông nghiệp

- *Nông nghiệp* là ngành sản xuất vật chất cơ bản của xã hội, theo nghĩa rộng, ngành nông nghiệp gồm ba lĩnh vực là nông nghiệp (trồng trọt và chăn nuôi), lâm nghiệp và ngư nghiệp. Theo nghĩa hẹp, ngành nông nghiệp gồm hai lĩnh vực trồng trọt và chăn nuôi.

- *Phát triển nông nghiệp* là một tổng thể các biện pháp nhằm tăng sản lượng sản phẩm nông nghiệp để đáp ứng tốt hơn yêu cầu của thị trường trên cơ sở khai thác các nguồn lực trong nông nghiệp một cách hợp lý và từng bước nâng cao hiệu quả sản xuất.

1.1.2. Đặc điểm của sản xuất nông nghiệp

- Sản xuất nông nghiệp có tính vùng.
- Ruộng đất là tư liệu sản xuất chủ yếu.
- Đối tượng sản xuất nông nghiệp là cây trồng, vật nuôi.
- Sản xuất nông nghiệp mang tính thời vụ cao.

1.1.3. Ý nghĩa của phát triển nông nghiệp trong nền kinh tế quốc dân

- Phát triển nông nghiệp có ý nghĩa rất lớn, đó là đóng góp về thị trường.
- Phát triển nông nghiệp góp phần tăng trưởng nền kinh tế ổn định.
- Phát triển nông nghiệp góp phần xóa đói, giảm nghèo và bảo đảm an ninh lương thực.
- Phát triển nông nghiệp góp phần phát triển nông thôn.

1.2. NỘI DUNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP

1.2.1. Gia tăng số lượng các cơ sở sản xuất nông nghiệp

- Gia tăng số lượng các cơ sở sản xuất nông nghiệp nghĩa là tăng

số lượng và quy mô của các hộ gia đình, các cá thể kinh doanh trang trại, tổ hợp tác, các hợp tác xã nông nghiệp, doanh nghiệp kinh doanh nông nghiệp... Nói cách khác là làm tăng số lượng tuyệt đối các cơ sở sản xuất nông nghiệp; nhân rộng số lượng các cơ sở hiện tại; làm cho các cơ sở sản xuất nông nghiệp phát triển lan tỏa sang những khu vực khác có thể thông qua đó mà phát triển thêm số cơ sở.

- Các cơ sở sản xuất trong nông nghiệp là: Kinh tế nông hộ; Trang trại; Hợp tác xã nông nghiệp; Các doanh nghiệp nông nghiệp; Cơ sở cung ứng dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp

- Tiêu chí về gia tăng các cơ sở sản xuất nông nghiệp

+ Số lượng các cơ sở sản xuất qua các năm (tổng số và từng loại).

+ Tốc độ tăng và mức tăng của các cơ sở sản xuất.

1.2.2. Chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng hợp lý

- Cơ cấu sản xuất nông nghiệp là thành phần tỷ trọng và mối quan hệ giữa các ngành và tiểu ngành trong nội bộ ngành nông nghiệp.

- Cơ cấu sản xuất nông nghiệp hợp lý là cơ cấu giữa các ngành của nông nghiệp mà các thành phần của nó có tác dụng phát huy tốt các tiềm năng của sản xuất và đáp ứng yêu cầu thị trường, xã hội.

- Các tiêu chí đánh giá chuyển dịch cơ cấu SXNN

+ Tỷ trọng sản xuất của các ngành, các bộ phận trong kinh tế nông nghiệp.

+ Tỷ trọng giá trị tăng thêm của các ngành, các bộ phận trong kinh tế nông nghiệp.

+ Tỷ lệ giá trị sản xuất nông nghiệp trong nền kinh tế

+ Tỷ lệ giá trị sản xuất của chăn nuôi trong nông nghiệp

+ Tỷ lệ giá trị sản xuất của trồng trọt và các phân ngành trong nông nghiệp

- + Cơ cấu lao động phân bổ cho các ngành
- + Cơ cấu vốn phân bổ cho các ngành
- + Cơ cấu ruộng đất phân bổ cho các ngành

1.2.3. Gia tăng các yếu tố nguồn lực

- Các nguồn lực trong nông nghiệp gồm lao động, đất đai, vốn, khoa học và công nghệ, cơ sở vật chất kỹ thuật... Quy mô về số lượng và chất lượng các nguồn lực được huy động có tính quyết định đến tốc độ tăng trưởng và phát triển nông nghiệp.

- *Gia tăng các yếu tố nguồn lực gồm:* Lao động nông nghiệp; Đất đai được sử dụng trong nông nghiệp; Vốn trong nông nghiệp; Cơ sở vật chất – kỹ thuật nông nghiệp; Công nghệ sản xuất trong nông nghiệp.

- *Tiêu chí đánh giá gia tăng các yếu tố nguồn lực:*

- + Diện tích đất và tình hình sử dụng diện tích đất
- + Lao động và chất lượng lao động qua các năm
- + Tổng số vốn đầu tư và mức đầu tư trên diện tích
- + Gia tăng của cơ sở vật chất trong nông nghiệp

1.2.4. Các hình thức liên kết kinh tế

- Liên kết kinh tế trong nông nghiệp là sự hợp tác của các đối tác trên chuỗi ngành hàng nông sản để đưa nông sản từ nơi sản xuất đến nơi tiêu thụ nhằm tìm kiếm những cơ hội đem lại lợi nhuận từ sự liên kết này. Liên kết trong nông nghiệp gồm liên kết ngang và liên kết dọc.

- *Tiêu chí đánh giá liên kết kinh tế gồm:*

+ Liên kết đảm bảo tôn trọng tính độc lập của các hộ SXNN đối với sở hữu tư liệu sản xuất và sản phẩm sản xuất ra.

+ Liên kết phải tăng khả năng cạnh tranh của nông sản sản xuất ra như chi phí, mẫu mã, an toàn thực phẩm.

+ Liên kết phải bền vững và đảm bảo phân chia lợi ích phù

hợp giữa các đối tác, đặc biệt đối với nông hộ.

+ Liên kết đảm bảo nông sản đáp ứng được nhu cầu của thị trường.

1.2.5. Nông nghiệp có trình độ thâm canh cao

- Bản chất kinh tế của thâm canh trong nông nghiệp là đầu tư thêm vốn và lao động trên đơn vị diện tích nhằm thu nhiều sản phẩm trên đơn vị canh tác với chi phí thấp nhất. Thâm canh đạt đến trình độ cao nhờ áp dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ vào SXNN như cơ giới hóa, thủy lợi, công nghệ sinh học, công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp.

- *Các tiêu chí đánh giá trình độ thâm canh*

+ Mức đầu tư trên một đơn vị diện tích đất nông nghiệp và trên lao động nông nghiệp.

+ Số lượng máy kéo trên 100 hộ nông dân, trên 100 ha đất nông nghiệp.

+ Tỷ lệ tồn thất sau thu hoạch của mỗi loại sản phẩm

+ Năng suất cây trồng, con vật nuôi

+ Năng suất lao động xã hội của ngành nông nghiệp.

1.2.6. Gia tăng kết quả sản xuất nông nghiệp

- Kết quả sản xuất nông nghiệp là những gì nông nghiệp đạt được sau một chu kỳ sản xuất nhất định được thể hiện bằng số lượng sản phẩm, giá trị sản phẩm, giá trị sản xuất của nông nghiệp.

- *Tiêu chí đánh giá kết quả SXNN:*

+ Số lượng sản phẩm các loại được sản xuất ra;

+ Giá trị sản phẩm được sản xuất ra;

+ Số lượng sản phẩm hàng hóa các loại được sản xuất ra;

+ Giá trị sản phẩm hàng hóa được sản xuất ra.

- Gia tăng kết quả sản xuất là số lượng sản phẩm và giá trị sản

phẩm, cũng như sản phẩm hàng hóa và giá trị sản phẩm hàng hóa của nông nghiệp được sản xuất qua các năm và yêu cầu năm sau phải tăng cao hơn năm trước.

- *Tiêu chí đánh giá gia tăng kết quả SXNN gồm:*

- + Số lượng và giá trị sản lượng của từng năm.
- + Mức tăng và tốc độ tăng của sản lượng qua các năm.
- + Sản phẩm hàng hóa và giá trị sản phẩm hàng hóa qua các năm.
- + Mức tăng và tốc độ tăng của sản phẩm hàng hóa, giá trị sản phẩm hàng hóa qua các năm.
- + Đóng góp cho ngân sách Nhà nước.
- + Thu nhập của người lao động qua các năm và mức tăng, tốc độ tăng thu nhập của người lao động.
- + Tích lũy của các cơ sở sản xuất qua các năm.

1.3. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP

1.3.1. Nhân tố điều kiện tự nhiên

1.3.2. Nhân tố điều kiện xã hội

1.3.3. Nhân tố điều kiện kinh tế

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP

HUYỆN TIÊN PHƯỚC, TỈNH QUẢNG NAM

2.1. ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA HUYỆN ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP

2.1.1. Đặc điểm tự nhiên

Tiên Phước là huyện miền núi phía Tây của tỉnh Quảng Nam, cách tỉnh lỵ 25 km; diện tích tự nhiên 45.440 ha. Địa hình đa dạng, bị

chia cắt bởi đồi núi, sông, suối, độ dốc lớn nên gây khó khăn cho việc quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp tập trung.

2.1.2. Đặc điểm xã hội

Nguồn lao động tại địa phương rất dồi dào, tuy nhiên trình độ của người lao động chưa cao, lao động thiếu chuyên môn chiếm tỷ lệ lớn gây trở ngại cho việc ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ tiên tiến vào quá trình sản xuất. Truyền thống, tập quán canh tác của người dân còn mang tính thuần nông và sản xuất hàng hóa nhỏ, điều này ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển của nông nghiệp huyện Tiên Phước.

2.1.3. Đặc điểm kinh tế

Tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế của huyện trong giai đoạn qua là khá tích cực. Tỷ trọng các ngành nông nghiệp giảm mạnh, trong khi tỷ trọng ngành công nghiệp và thương mại – dịch vụ có xu hướng tăng nhanh.

Bảng 2.2. Giá trị sản xuất và tốc độ tăng trưởng qua các năm
(Theo giá cố định 1994)

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2005	2009	2012	Tốc độ tăng trưởng (%)	
				2005-2009	2009-2012
1. CN, XD	26.162	68.224	201.862	27,08	43,56
2. TM, DV	32.522	45.103	351.816	8,52	98,32
3. NN (N-L-TS)	101.297	125.159	270.248	5,43	29,25
Tổng cộng	159.981	238.486	823.926	10,50	51,17

(Nguồn: Niên giám thống kê huyện Tiên Phước 2005-2012)

Nhìn chung, cơ cấu kinh tế của huyện đang chuyển dịch theo chiều hướng tích cực; cơ sở hạ tầng không ngừng được đầu tư, hoàn thiện. Đây là những nhân tố thuận lợi để thúc đẩy phát triển nông nghiệp của huyện.

2.2. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HUYỆN TIÊN PHƯỚC, TỈNH QUẢNG NAM

2.2.1. Số lượng cơ sở sản xuất nông nghiệp thời gian qua

Qui mô số lượng các cơ sở sản xuất nông nghiệp ngày càng được tăng lên. Cụ thể xem bảng 2.4.

Bảng 2.4 Số lượng các cơ sở SXNN huyện Tiên Phước qua các năm

TT	Cơ sở SXNN	2007	2008	2009	2010	2011	2012
1	Hợp tác xã	1	1	1	2	3	5
2	Trang trại	43	45	48	50	52	55
3	Nông hộ	9.386	9.562	9.714	9.778	9.891	10.237
4	Doanh nghiệp	1	1	1	2	2	4

(Nguồn: Niên giám Thống kê huyện Tiên Phước 2007-2012)

- *Kinh tế hộ gia đình*: là mô hình tổ chức sản xuất chủ yếu. Toàn huyện hiện có gần 10.237 hộ có thu nhập từ sản xuất nông nghiệp với trên 33.243 lao động tham gia sản xuất nông nghiệp.

- *Kinh tế trang trại*: số lượng trang trại trên địa bàn huyện tăng, năm 2012 đã có 55 trang trại. Qua số liệu tổng hợp hầu hết các chỉ tiêu về diện tích, lao động, vốn đầu tư, giá trị sản xuất, thu nhập đều còn thấp.

- *Hợp tác xã*: đến năm 2012, mới có 5 hợp tác xã nông nghiệp.

2.2.2. Chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp

a. Chuyển dịch cơ cấu trong ngành nông – lâm – thủy sản

Giá trị sản xuất của ngành nông nghiệp (trồng trọt và chăn nuôi) vẫn còn chiếm tỷ trọng lớn trong ngành nông, lâm, thủy sản ở Tiên

Phước, nên Tiên Phước vẫn là huyện thuần nông của tỉnh Quảng Nam.

Bảng 2.8. Cơ cấu ngành nông nghiệp giai đoạn 2007-2012

DVT: %

Năm	2007	2008	2009	2010	2011	2012
Nông nghiệp	78,04	81,49	71,27	72,27	51,10	48,94
- Trồng trọt	54,45	54,08	45,08	40,02	31,38	30,65
- Chăn nuôi	23,59	27,41	26,19	32,25	19,72	18,59
Lâm nghiệp	21,64	22,60	28,42	27,43	48,27	50,24
Thủy sản	0,32	0,31	0,30	0,30	0,63	0,52

(Nguồn: Niên giám Thống kê huyện Tiên Phước qua các năm)

b. Chuyển dịch cơ cấu trong ngành trồng trọt

Đối với nội bộ ngành trồng trọt, năm 2007, giá trị sản xuất cây lương thực chiếm tỷ trọng 65,55%, rau đậu 11,1%, cây công nghiệp hàng năm 7,3%, cây công nghiệp lâu năm 3,48%, cây ăn quả 12,57%; đến năm 2012, tỷ trọng cây lương thực chiếm 56,38%, rau đậu 8,43%, cây công nghiệp hàng năm 2,92% và cây công nghiệp lâu năm 4,28%, cây ăn quả 27,99%.

c. Chuyển dịch cơ cấu trong ngành chăn nuôi

Những năm qua, ngành chăn nuôi tại Tiên Phước phát triển không ổn định, năm 2007, cơ cấu giá trị sản xuất của ngành chăn nuôi chiếm 23,59%, thì đến năm 2012 giảm xuống còn 18,59%. Trong nội bộ ngành, đã có sự dịch chuyển đáng kể giữa gia súc và gia cầm; cơ cấu giá trị sản xuất ngành gia súc đã giảm từ 73,7% năm 2007 xuống còn 62,66% vào năm 2012; ngược lại, gia cầm đã tăng từ 19,65% lên 28,5% tương ứng cùng kỳ; sản phẩm chăn nuôi không qua giết thịt cũng không tăng đáng kể.

2.2.3. Quy mô các nguồn lực trong nông nghiệp

a. Đất đai

- Đất nông nghiệp: So với tổng diện tích đất tự nhiên, đất nông nghiệp tăng từ 36,2% năm 2000 (14.426,55 ha) lên 84,7% năm 2012 (38.495,58 ha) tăng thêm 24.069,03 ha. Trong đó:

+ Đất sản xuất nông nghiệp: Cơ cấu đất trồng cây hàng năm giảm từ 58,5% năm 2000 chỉ còn 55,3% năm 2012. Đất trồng cây lâu năm cơ cấu tăng từ 12,4% năm 2000 tăng lên 43,5% năm 2012 trong đất sản xuất nông nghiệp.

+ Đất lâm nghiệp: Đất lâm nghiệp toàn huyện tăng từ 60,6% năm 2000 (9.956,76 ha) lên 78,4% năm 2012 (30.180,08 ha).

- Đất chưa sử dụng: Diện tích giảm từ 61,6% năm 2000 (27.925,28 ha) xuống còn 4,5% năm 2012 (2.059,45 ha); giảm tuyệt đối 25.865 ha so với năm 2000. Hiện nay, đất chưa sử dụng chủ yếu là đất đồi núi vùng cao, vùng sâu xa (chiếm 74,41% đất chưa sử dụng).

b. Lao động

Lao động của huyện phần lớn làm việc trong nông nghiệp, chiếm tỷ trọng 64,65% so với tổng lao động toàn huyện, nhưng có xu hướng giảm chậm và chuyển sang các ngành công nghiệp – xây dựng và thương mại - dịch vụ.

Cơ cấu lao động toàn huyện cũng có sự chuyển dịch tích cực, tỷ trọng lao động công nghiệp, dịch vụ tăng lên trong khi tỷ trọng lao động nông nghiệp có xu hướng giảm.

c. Vốn đầu tư

Các nguồn vốn vay hỗ trợ phát triển nông nghiệp chủ yếu từ Ngân hàng Chính sách xã hội huyện và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện. Vốn ngân sách phục vụ thực hiện các mô hình sản xuất hiệu quả, chương trình chuyển giao công nghệ, đào tạo

nghe nông thôn, công tác chống hạn, tiêm phòng, cải tạo giống đàn bò, nạc hóa đàn heo... nên đã góp phần quan trọng vào phát triển ngành nông nghiệp.

d. Tình hình ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất nông nghiệp

- Trồng trọt: Thực hiện tập huấn chuyển giao kỹ thuật về thâm canh lúa nước, ngô lai, sử dụng an toàn thuốc bảo vệ thực vật...

- Chăn nuôi: Triển khai các mô hình thụ tinh nhân tạo bò, heo 200 liều. Đàn heo chủ yếu là các giống heo lai Landare, Yorshie, tỷ lệ heo lai hướng nạc đạt 70% tổng đàn. Đàn bò vàng địa phương được lai cải tạo với tỷ lệ lai Sind đạt gần 50%.

2.2.4. Tình hình liên kết sản xuất trong nông nghiệp

- Kinh tế hộ, chưa liên kết giữa các nông hộ với nhau để hình thành các tổ hợp tác, tăng năng lực sản xuất.

- Kinh tế trang trại chưa liên kết với các doanh nghiệp cũng như các hộ nông dân trong quá trình sản xuất nông sản hàng hóa.

- Tổ hợp tác, hợp tác xã trong nông nghiệp rất ít nên không có sự hỗ trợ liên kết với nông dân mở rộng sản xuất nông sản.

Nhìn chung, trong nông nghiệp ở huyện chưa hình thành các mô hình liên kết, những liên kết này chưa chặt chẽ.

2.2.5. Tình hình thâm canh trong nông nghiệp của huyện

- Đối với đầu tư máy công tác vào sản xuất nông nghiệp. Mức độ áp dụng cơ giới hóa tại Tiên Phước chỉ đạt dưới 15% cho mọi khâu trong sản xuất nông nghiệp; hầu như các khâu làm đất, gieo cấy, thu hoạch, phơi,... chủ yếu vẫn là lao động thủ công.

- Về giống cây, con năng suất cao, Tiên Phước đã đưa các giống lúa và ngô mới có năng suất cao thay 100% các giống cũ có

năng suất thấp. Về giống gia súc, huyện đã cải tạo đàn bò theo hướng Sind hóa, đàn lợn cũng được nạc hóa bằng các giống mới.

Nhờ triển khai các biện pháp thâm canh trên mà năng suất cây trồng tại Tiên Phước có tăng. Tuy nhiên, so với bình quân cả tỉnh, năng suất các loại cây trồng tại Tiên Phước còn ở mức thấp.

2.2.6. Kết quả sản xuất và hiệu quả kinh tế - xã hội của nông nghiệp huyện Tiên Phước

a. Kết quả sản xuất nông nghiệp đạt được qua các năm

Giá trị sản xuất nông nghiệp năm 2012 là 740.333 triệu đồng cao hơn 2,8 lần so với năm 2008. Nhìn vào bảng 2.17, thấy tốc độ tăng trưởng của ngành trồng trọt khá cao và tăng trưởng không ổn định; lượng tăng tuyệt đối về giá trị sản xuất của ngành trồng trọt cũng không đáng kể.

Bảng 2.17. Các chỉ tiêu đánh giá kết quả sản xuất nông nghiệp huyện Tiên Phước qua các năm

Chỉ tiêu	ĐVT	2008	2009	2010	2011	2012
Giá trị sản xuất (GO)	Tr.đồng	264.328	286.552	374.193	542.725	740.333
Tốc độ tăng trưởng	%		8,41	30,58	45,04	36,41
Lượng tăng tuyệt đối	Tr.đồng		22.224	87.641	168.532	197.608

(Nguồn: Niên giám thống kê huyện Tiên Phước)

(1) Nông nghiệp

**** Trồng trọt:***

- Sản xuất lương thực: Tổng sản lượng lương thực có hạt hàng năm đều tăng, năm 2012 tổng sản lượng lương thực có hạt trên địa bàn đạt 20.814 tấn, tăng 1.689 tấn so với năm 2007; sản lượng bình quân đầu người là 298kg/người/năm, so với năm 2007 tăng 45kg.

Nhìn chung, năng suất một số cây trồng chính tăng dần qua từng năm nhưng năng suất cây trồng còn thấp so với toàn tỉnh.

Bảng 2.19. Năng suất và tốc độ tăng trưởng của các cây trồng chủ yếu

	Năng suất (tạ/ha)			Tốc độ tăng (%)		
	Năm 2000	Năm 2007	Năm 2012	2000 - 2007	2007 - 2012	2000 - 2012
Lúa	26,8	43,3	44,8	7,09	0,68	4,37
Ngô	18,6	33,4	38,4	8,72	2,83	6,23
Khoai lang	44,2	42,6	43,2	-0,53	0,28	-0,19
Sắn	115,7	130,6	138,1	1,75	1,12	1,49
Rau các loại	41,6	44,1	43,5	0,84	-0,27	0,37
Đậu các loại	4,7	6,7	7,7	5,20	2,82	4,20
Lạc	9,3	12,4	13,8	4,20	2,16	3,34
Mè	2,6	2,2	3	-2,36	6,40	1,20

(Nguồn: Niên giám thống kê huyện Tiên Phước)

+ Lúa: Diện tích gieo trồng năm 2012 đạt 4.323 ha tăng 90ha so với năm 2007. Năng suất lúa bình quân đạt trên 44,8 tạ/ha tăng 1,3 tạ/ha so với năm 2007. Đến năm 2012 sản lượng lúa đạt trên 19.376 tấn, tăng gấp 1,1 lần so với năm 2007.

+ Ngô: Diện tích gieo trồng tăng qua các năm, năm 2007 diện tích là 235 ha, đến năm 2012 diện tích gieo trồng tăng lên 375 ha; năng suất không ngừng tăng (từ 34,2 tạ/ha năm 2007 đến nay năng suất đạt 38,4 tạ/ha).

- Rau đậu các loại: Đậu là cây có khả năng chịu hạn cao, thời gian sinh trưởng ngắn, nên được người dân địa phương trồng luân canh, xen canh gối vụ. Diện tích gieo trồng năm 2012 là 325 ha, năng suất 7,7 tạ/ha, sản lượng đạt trên 250 tấn.

* Chăn nuôi

Tỷ trọng ngành chăn nuôi năm 2012 đạt 18,59% giá trị nông lâm thủy sản, chiếm 38% giá trị nội bộ ngành nông nghiệp. Giá trị sản xuất ngành chăn nuôi (tính theo giá cố định năm 1994) tăng từ 26.780 triệu đồng năm 2007 đến năm 2012 là 50.239 triệu đồng.

**Bảng 2.20. Thực trạng ngành chăn nuôi huyện Tiên Phước
giai đoạn 2007-2012**

ĐVT: Con

Năm	Tổng đàn gia súc				Gia cầm
	Trâu	Bò	Heo	Tổng	
2000	3.985	19.641	25.439	49.065	270.200
2007	6.989	25.902	24.457	57.348	254.800
2008	5.317	17.135	20.808	44.060	273.100
2009	5.411	16.690	23.380	46.481	303.300
2010	5.469	15.233	23.437	44.139	323.300
2011	5.205	12.978	25.161	43.344	318.500
2012	4.859	10.257	17.466	32.582	358.400

(Nguồn: Niên giám thống kê huyện Tiên Phước 2000, 2007-2012)

Đàn gia súc giai đoạn 2000-2007 có chiều hướng tăng và giai đoạn 2007-2012 lại có xu hướng giảm. Nguyên nhân chủ yếu là trong giai đoạn 2007-2012, ảnh hưởng của dịch bệnh và giá thức ăn chăn nuôi tăng cao. Đối với đàn gia cầm thì ngược lại.

(2) Lâm nghiệp

- Tính từ năm 2007 đến nay đã trồng được 4.328,94 ha rừng trồng, riêng trong năm 2012 đã trồng được trên 600 ha. Giá trị ngành lâm nghiệp hằng năm không cao, nhưng có xu hướng tăng và tăng mạnh nhất vào năm 2011, 2012. Trong đó, giá trị trồng, chăm sóc rừng và khai thác lâm sản chiếm tỷ trọng trên 90%.

- Tổng giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp năm 2012 đạt trên 135.773 triệu đồng, chiếm 50% giá trị sản xuất ngành nông, lâm, thủy sản.

(3) Thủy sản

Tổng diện tích mặt nước nuôi trồng trên địa bàn huyện năm 2012 là 15,63 ha (*chưa kể nuôi trong hồ thủy lợi*), sản lượng 67 tấn (*sản lượng khai thác 7 tấn; sản lượng nuôi trồng là 60 tấn*).

Năm 2012, giá trị sản xuất thủy sản (*theo giá cố định 1994*) đạt 1.405 triệu đồng, so với năm 2007 tăng 1.036 triệu đồng; từ 2007-2012 tăng bình quân 30,66%.

b. Hiệu quả kinh tế - xã hội trong quá trình phát triển nông nghiệp của huyện Tiên Phước

Sản xuất nông nghiệp đã giải quyết việc làm cho phần lớn lao động nông thôn và nâng cao mức cho nhân dân. Thu nhập của các hộ dân tại khu vực nông thôn đã tăng lên đáng kể; tỷ lệ hộ nghèo ở Tiên Phước (năm 2012 là 22,13%) luôn cao hơn so với trung bình cả tỉnh (năm 2012 là 17,93%). Số hộ nghèo theo chuẩn mới năm 2012 so năm 2007 giảm 2445 hộ, tỷ lệ hộ nghèo từ 29,72% giảm còn 22,13%.

Có thể nói rằng, hiệu quả kinh tế, xã hội của nền nông nghiệp huyện Tiên Phước những năm qua đạt chưa cao.

2.3. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HUYỆN TIÊN PHƯỚC

2.3.1. Thành công và hạn chế

a. Thành công

- Số lượng cơ sở sản xuất nông nghiệp trong thời gian qua được gia tăng.

- Chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng phù hợp.

- Các loại giống mới đã được đưa vào sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm cây trồng vật nuôi. Chăn nuôi cũng có những bước phát triển đáng kể, đặc biệt là chăn nuôi bò, heo.

- Bước đầu khai thác sử dụng có hiệu quả nguồn lực cho sản xuất nông nghiệp.

b. Hạn chế

- Số lượng các cơ sở SXNN trên địa bàn chưa đủ lớn. Kinh tế hộ còn hạn chế nhiều mặt nhưng vẫn giữ vai trò sản xuất chủ yếu

trong nông nghiệp.

- Chủ yếu chuyển dịch cơ cấu lao động, chưa chú ý đến chuyển dịch vốn, đất đai.

- Sản xuất nông nghiệp ở nhiều nơi còn phân tán, manh mún.

- Năng suất, chất lượng một số loại cây trồng, vật nuôi còn thấp.

- Các cơ sở SXNN chưa có liên kết kinh tế tiến bộ phù hợp.

2.3.2. Nguyên nhân của những hạn chế

- Quy mô sử dụng các nguồn lực trong NN còn khiêm tốn.

- Địa hình đồi núi chia cắt nên việc quy hoạch vùng sản xuất tập trung nông nghiệp gặp khó khăn.

- Trình độ thâm canh trong nông nghiệp thấp, cơ sở vật chất phục vụ nông nghiệp còn thiếu, giống cây trồng, vật nuôi bố trí chưa phù hợp.

- Công tác thu hoạch, chế biến, bảo quản và tiêu thụ nông sản chưa được quan tâm, công tác khuyến nông còn hạn chế.

- Lực lượng cán bộ nông nghiệp còn thiếu và yếu về chuyên môn, không đáp ứng được yêu cầu.

- Vốn đầu tư cho nông nghiệp còn thấp so với yêu cầu của phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tiến bộ.

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN

NÔNG NGHIỆP HUYỆN TIỀN PHƯỚC

3.1. CƠ SỞ TIỀN ĐỀ CHO VIỆC ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP

3.1.1. Các yếu tố môi trường

a. Môi trường tự nhiên

b. Môi trường kinh tế

c. Môi trường xã hội

3.1.2. Dự báo các yếu tố ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp trong tương lai

3.1.3. Phương hướng và mục tiêu phát triển nông nghiệp của huyện Tiên Phước

a. Phương hướng phát triển nông nghiệp

* *Với ngành trồng trọt, chăn nuôi*: Tập trung hình thành các vùng chuyên canh, các trang trại sản xuất có quy mô vừa và lớn; từng bước chuyển dịch theo hướng tăng dần giá trị ngành chăn nuôi. Ưu tiên phát triển các loại cây trồng có năng suất cao, cây đặc sản gắn với thị trường.

* *Với ngành lâm nghiệp*: Thực hiện giao đất giao rừng gắn với quản lý, sản xuất và khai thác. Phát triển cây nguyên liệu, thí điểm trồng một số loại cây công nghiệp mới có giá trị kinh tế cao.

* *Với ngành thủy sản*: Khuyến khích những nơi có nguồn nước chảy tự nhiên cải tạo không gian hợp lý tiến hành nuôi thả các loại thủy sản có giá trị kinh tế cao.

b. Mục tiêu chủ yếu phát triển nông nghiệp huyện Tiên Phước giai đoạn 2015-2020

- Tốc độ tăng trưởng nông nghiệp bình quân hàng năm là 5%
- Nâng cao năng suất nông nghiệp, năng suất lúa bình quân 50 tạ/ha; tăng giá trị sản xuất nông nghiệp trên một đơn vị diện tích.
- Thực hiện tốt chuyển đổi cơ cấu ngành nông nghiệp, cơ cấu cây trồng, vật nuôi, chuyển dịch cơ cấu các ngành nông nghiệp với tỷ lệ phù hợp.
- Phát triển mạnh kinh tế trang trại, hình thành vùng các chuyên canh lớn sản xuất hàng hóa, phần đầu 40% nông sản chủ động bán ra trên thị trường.
- Nông nghiệp chiếm dưới 40% tổng giá trị kinh tế huyện nhưng

đóng vai trò chủ đạo.

3.1.4. Quan điểm có tính định hướng khi xây dựng giải pháp

- Phát triển nông nghiệp huyện theo hướng sản xuất hàng hóa. Tạo điều kiện đẩy mạnh phát triển kinh tế trang trại và khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư sản xuất, kinh doanh trên lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn.

- Khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên để chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng tăng dần giá trị ngành chăn nuôi.

- Chủ động phát triển nông nghiệp bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới.

- Phát triển cây nguyên liệu, thí điểm trồng một số loại cây công nghiệp mới có giá trị kinh tế cao như cao su.

3.2. CÁC GIẢI PHÁP CỤ THỂ

3.2.1. Phát triển các cơ sở sản xuất

a. Củng cố và nâng cao năng lực kinh tế hộ gia đình

- Khuyến khích nông hộ tăng tích lũy vốn, kinh nghiệm, tích tụ đất đai, phát triển sản xuất hàng hóa. Tận dụng thời gian nhàn rỗi tăng cường sản xuất để có đủ lương thực, xóa đói giảm nghèo... từng bước các nông hộ nhỏ liên kết lại tăng quy mô sản xuất, trao đổi kinh nghiệm, quản lý kinh tế hộ...

- Nâng cao tích lũy và tiết kiệm của kinh tế hộ, tăng cường cung cấp tín dụng, cung cấp dịch vụ kỹ thuật – khuyến nông cho nông hộ.

b. Phát triển hợp tác xã

- Phát triển các HTX mới đa dạng trên nguyên tắc tự nguyện cùng có lợi, xuất phát từ nhu cầu của các hộ nông dân, phù hợp với trình độ phát triển của các ngành nghề trên địa bàn xã.

- Sáp nhập, hợp nhất các hợp tác xã nông nghiệp có quy mô sản xuất nhỏ, hoạt động kém hiệu quả thành hợp tác xã có quy mô lớn để nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh, dịch vụ.

c. *Phát triển kinh tế trang trại*

- Hoàn thiện và cải cách thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các trang trại.

- Có chính sách khuyến khích phát triển kinh tế trang trại theo mô hình nông, lâm, thủy sản kết hợp. Ưu tiên phát triển các trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm.

- Tăng cường đầu tư cho vay vốn các dự án trang trại.

3.2.2. Chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp

- Xác định cơ cấu sản xuất có lợi thế tại các vùng trên địa bàn.

(1) Về trồng trọt

Cây lúa: Xác định vùng lúa trọng điểm của huyện ở các xã đồng bằng gồm: Tiên Thọ, Tiên Mỹ, Tiên Châu, Tiên Cảnh, Tiên Phong.

Cây ngô: Tập trung ở các xã: Tiên Sơn, Tiên An, Tiên Mỹ, Tiên Cảnh, Tiên Cẩm.

Cây ăn quả: Quy hoạch phát triển các loại cây trồng đặc sản và các loại cây trồng chủ lực trên địa bàn huyện theo hướng tập trung, chuyên canh.

+ Cây thanh trà: Tập trung xã Tiên Hiệp, mở rộng vùng Tiên Ngọc, Tiên Lãnh, Tiên Cảnh, Tiên An, Tiên Lập.

+ Cây bòn boon: Tập trung xã Tiên Châu và mở rộng vùng Tiên Kỳ, Tiên Mỹ, Tiên Cảnh, Tiên Lãnh, Tiên Cẩm, Tiên Hà.

+ Măng cụt: Tập trung xã Tiên Mỹ và mở rộng các xã Tiên Kỳ, Tiên Châu, Tiên Cảnh, Tiên Lộc, Tiên Sơn, Tiên Cẩm, Tiên Hà.

(2) Về chăn nuôi. Vùng thấp, trung du và miền núi huyện đều có

thể phát triển ngành chăn nuôi gia súc như heo, bò, trâu và gia cầm như gà, vịt.

- Chuyển dịch theo hướng lựa chọn các cây trồng, vật nuôi phù hợp với thị trường.

- + Tập trung quy hoạch lại sản xuất theo hướng giảm dần diện tích sản xuất lúa bắp bệnh, kém hiệu quả.

- + Đẩy mạnh phát triển các loại cây trồng có hiệu quả kinh tế cao theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.

- Chuyển dịch theo hướng phát triển nền nông nghiệp hữu cơ, bảo vệ môi trường, nên nông nghiệp cần tập trung vào các lĩnh vực chủ yếu sau:

- + Duy trì sản xuất 2 vụ lúa thay vì sản xuất 3 vụ lúa, để đất phục hồi độ màu mỡ và tránh mùa bão, lũ.

- + Áp dụng các biện pháp phòng bệnh tổng hợp và phát triển rộng khắp phương pháp canh tác 3 giảm 3 tăng không chỉ trong sản xuất cây lúa mà cả trong các loại cây trồng khác.

3.2.3. Tăng cường các nguồn lực trong nông nghiệp

a. Về đất đai

- Bố trí quy hoạch sử dụng đất theo hướng khai thác lợi thế so sánh của từng vùng, từng địa phương.

- Lập kế hoạch quy hoạch sử dụng đất đến từng xã năm 2020. Điều tra xác định đất có tiềm năng phát triển kinh tế trang trại đối với các loại cây đặc sản như: Tiêu, thanh trà, bòn boon, măng cụt.

- Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ dân phát triển kinh tế trang trại, cho thuê đất đối với các doanh nghiệp, HTX, nhóm hộ để phát triển sản xuất hàng hóa tập trung, chuyên canh.

- Đẩy mạnh công tác dồn điền đổi thửa.

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân được Nhà nước giao quyền sử dụng đất có quy mô lớn chuyển sang phát triển sản xuất theo hướng trang trại.

b. Về lao động trong nông nghiệp

- Phân bổ lao động hợp lý giữa các vùng; thực hiện chuyển đổi cơ cấu lao động nông thôn, mở thêm ngành nghề mới để thu hút lao động và giải quyết việc làm cũng như khai thác hiệu quả thời vụ nông nhàn.

- Mở lớp đào tạo, tập huấn tập trung ngắn hạn từ 3-5 ngày cho những người sản xuất nông nghiệp, chủ trang trại.

- Tăng cường đào tạo nghề tại cơ sở và truyền nghề tại gia đình.

c. Về nguồn vốn trong nông nghiệp

- Tranh thủ nguồn vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ xây dựng các công trình thủy lợi và cấp nước sinh hoạt, mở rộng mạng lưới giao thông nông thôn, kết cấu hạ tầng xã hội khác...

- Huy động vốn tự có trong dân, doanh nghiệp trên địa bàn đầu tư cho phát triển sản xuất kinh doanh.

- Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư vốn phát triển kinh tế hộ gia đình, kinh tế trang trại; đầu tư phát triển các cơ sở chế biến nông, lâm, thủy sản; khôi phục các nghề truyền thống địa phương; các lĩnh vực thương mại, dịch vụ.

d. Về áp dụng KHCN, tiến bộ kỹ thuật trong SXNN

- Tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất phục vụ công tác quản lý, lựa chọn hình thức chuyển giao tiến bộ khoa học – công nghệ thích hợp cho các hộ gia đình nông dân và các trang trại.

- Tuyển chọn những giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao đưa vào sản xuất.

- Đẩy mạnh hoạt động khuyến nông, xây dựng và phổ biến các mô hình sản xuất hàng hóa có hiệu quả phù hợp điều kiện thực tế của

từng vùng.

- Thường xuyên có những nghiên cứu tổng kết các điển hình tiên tiến trong sản xuất nông, lâm, thủy sản; tổ chức nhân rộng điển hình tiến tiến về tiến bộ khoa học – công nghệ trong sản xuất.

3.2.4. Mở rộng liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm

- Khuyến khích phát triển các cơ sở chế biến nông sản.
- Xây dựng và nâng cấp các cơ sở chế biến nông lâm sản trên địa bàn như chế biến lúa gạo, lâm sản, hạt tiêu ...
- Đẩy mạnh hoạt động tiêu thụ nông sản:
 - + Liên kết với các doanh nghiệp thực hiện các hợp đồng đầu tư con giống, cây giống, vốn cho dân và bao tiêu sản phẩm.
 - + Ký hợp đồng tiêu thụ nông sản với các tổ chức mua để các nông hộ nhận được vốn ứng trước bằng vật tư.
 - + Tổ chức tốt mạng lưới tư thương, thiết lập quan hệ hợp đồng hai chiều giữa nông hộ với công ty kinh doanh, chế biến nông sản.
- Thực hiện tốt mô hình liên kết 4 nhà: “nhà nước, nhà khoa học, doanh nghiệp, nhà nông”.

3.2.5. Tăng cường thâm canh trong nông nghiệp

Ngành nông nghiệp huyện cần áp dụng có chọn lọc các kết quả nghiên cứu về lai tạo các giống cây, con có giá trị, thích nghi với điều kiện sinh thái từng vùng với quy trình canh tác, chăm sóc, thu hoạch, chế biến, bảo quản, cung cấp và hướng dẫn cho các hộ nông dân thực hiện thông qua các mô hình trình diễn thực tế.

3.2.6. Các giải pháp gia tăng kết quả sản xuất

- *Trên lĩnh vực chăn nuôi*: Tiếp tục phát triển mạnh chăn nuôi, nhất là chăn nuôi gia súc, đưa giá trị chăn nuôi chiếm tỷ lệ cao trong nội bộ ngành nông nghiệp.

- *Trên lĩnh vực trồng trọt*: Phát triển nông nghiệp toàn diện theo

hướng sản xuất hàng hóa, gắn với công nghiệp chế biến, thị trường tiêu thụ, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và tính bền vững. Phát triển các cây chủ lực gồm: cây lúa, tiêu, chuối, chè, bòn boon, thanh trà, măng cụt; lựa chọn chế độ canh tác hợp lý, hình thành vùng chuyên canh các cây chủ lực theo đặc điểm của 3 vùng sản xuất.

- *Trên lĩnh vực lâm nghiệp:* Tiếp tục đầu tư phát triển lâm nghiệp, khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia trồng rừng.

- *Trên lĩnh vực thủy sản:* Rà soát, điều chỉnh, bố trí diện tích nuôi trồng thủy sản hợp lý, có hiệu quả, bền vững; đa dạng hình thức nuôi và đối tượng nuôi các loại thủy sản để hạn chế rủi ro.

3.2.7. Phát huy vai trò của Nhà nước về phát triển nông nghiệp

3.2.8. Các giải pháp khác

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Nông nghiệp được coi là thế mạnh của huyện trong nhiều năm qua, với những kết quả thu được rất khả quan. Tuy nhiên mức tăng giá trị sản xuất nông nghiệp còn thấp; các tiềm năng trong sản xuất nông nghiệp chưa được khai thác hết. Do vậy, để nông nghiệp Tiên Phước phát triển và hội nhập; nhà nước và các cấp, các ngành của tỉnh cần:

- Cần có chính sách hỗ trợ, ưu tiên đặc biệt về vốn, giống cây trồng, vật nuôi, khoa học kỹ thuật cho người dân.

- Rà soát qui hoạch phát triển nông, lâm, thủy sản cho các huyện.

- Xác định phương hướng phát triển các loại cây trồng, vật nuôi phù hợp với lợi thế đất đai, khí hậu của tỉnh và có khả năng tiêu thụ.

- Hỗ trợ địa phương trong khuyến nông, đào tạo nguồn nhân lực.